

Kể Chuyện Ngựa

Trần Hữu Vinh

Con Ngựa Sắt Của Phù Đổng Thiên Vương

Ở nước ta, vào đời vua Hùng vương thứ 6, tại làng Phù đồng, huyện Võ giàng, tỉnh Bắc ninh, có đôi vợ chồng nọ sinh hạ được một bé trai kháu khỉnh, khiến cha mẹ đứa bé rất vui mừng và hết lòng nuôi nấng để mong ngày sau nối dõi tông đường. Nhưng rồi sự vui mừng đó giảm dần đi để nhường chỗ cho sự lo âu, phiền muộn, vì không hiểu sao đứa bé suốt ngày chỉ nằm yên một chỗ, không cử động la khóc gì cả, mãi đến năm ba tuổi mà vẫn chưa biết nói và đi được bước nào. Cha mẹ bé đã đi cầu đảo nhiều nơi nhưng vẫn không hiệu quả.



Giữa lúc đó thì có tin giặc Ân đã tràn vào xâm lấn bờ cõi, thanh thế rất mạnh, đi tới đâu tàn sát dân lành tới đó, quan quân triều đình không chống cự nổi. Tin cấp báo bay về đến kinh sư, nhà vua rất lấy làm lo lắng, vội sai sứ giả đi rao truyền khắp nước để tìm người tài giỏi ra dẹp giặc. Khi sứ giả đi đến làng Phù đồng thì bỗng nhiên cậu bé nói trên ngồi nhồm dậy và cất tiếng nhờ cha mẹ đi mời sứ giả vào nói chuyện. Cha mẹ cậu bé lấy làm kinh ngạc, tưởng chừng như đang sống trong giấc chiêm bao. Nhưng với thực trạng rõ ràng trước mắt, cha mẹ cậu bé đi từ kinh ngạc đến vui mừng và cuối cùng, theo lời cậu bé, đi tìm sứ giả

đến cho cậu ta tiếp kiến. Cậu bé nói với sứ giả về tàu vua cho đúc một con ngựa và một cây roi bằng sắt thật to lớn để cậu dùng đi đánh giặc. Sứ giả về tâu lại, nhà vua lấy làm lạ bèn cho đòi cậu bé vào chầu, sau đó cũng cho đúc ngựa và roi như lời xin của cậu bé. Khi đúc xong, toán thợ rèn đem ngựa đến, cậu bé vỗ vào đầu ngựa một cái, lập tức con ngựa đó nát ra từng mảnh vụn. Lần thứ nhì cũng thế. Đến lần thứ ba, triều đình trưng tập cả ngàn thợ rèn, thu gom hết sắt trong dân chúng, đúc một con ngựa và một cây roi cực lớn rồi hí hục khiêng đến sân chầu. Cậu bé trông thấy rất bằng lòng, lập tức vươn vai một cái, tự nhiên con người trở nên cao lớn hơn một trượng, đoạn từ biệt nhà vua, cha mẹ và mọi người rồi nhảy phốc lên mình ngựa, ra roi phi nước đại, không mấy chốc đã tới trận địa của giặc Ân. Cậu bé - mà lúc này đã trở thành một con người to lớn - thúc ngựa vào trận giặc, tới đâu ngựa phun lửa ra tới đó, còn cậu thì vung roi đánh tới tấp, bọn giặc ngã lẫn ra chết, nằm ngổn ngang như rạ. Bỗng chiếc roi bị gãy, cậu liền với tay nhỏ cả một bụi tre làm vũ khí, tiếp tục tấn công quân giặc. Không bao lâu, toàn bộ quân giặc bị tiêu diệt sạch, nhưng rồi ngay sau đó, người con trai Phù đồng cũng phóng ngựa đi luôn, đến núi Sóc sơn thì cả người lẫn ngựa đều bay thẳng lên trời, từ đó về sau không còn ai trông thấy nữa. Vua nhớ ơn, sai lập đền thờ ở làng Phù đồng và phong tước là Phù đồng Thiên vương. Hằng năm, cứ đến ngày mùng 8 tháng Tư, dân chúng trong vùng mở hội linh đình để tưởng nhớ vị anh hùng đã có công cứu nước. Ngoài ra, dân gian còn có thành ngữ ở Vượn vai Phù đồng để chỉ một sự lớn mạnh phi thường, như cậu bé làng Phù đồng chỉ trong nháy mắt đã trở thành một con người vĩ đại.

Ngựa Đá Hai Phen Phò Xả Tắc

Theo lối kiến trúc của nước ta ngày xưa thì mỗi khi xây dựng đền đài, lăng miếu để thờ các vị vua chúa hay các bậc vĩ nhân trong lịch sử, người ta thường tạc hình các ngựa voi bằng đá đặt trước sân chầu, có lẽ để cho các vị nói trên sai khiến như lúc còn sinh tiền vậy. Chiêu lăng, nơi thờ các vị vua nhà Trần ở Long hưng, chính là một trong những nơi như thế.



Sử chép rằng vào thế kỷ thứ 13, dưới triều đại nhà Trần, nước ta đã ba lần bị quân Mông cổ sang xâm chiếm, nhưng cả ba lần chúng đều thảm bại, phải từ bỏ mộng thôn tính nước ta như chúng đã thôn tính nhà Tống bên Tàu và nhiều nước khác. Để làm nổi bật chiến công hiển hách của quân dân ta dưới đời nhà Trần, thiết tưởng cũng nên biết qua về sự hùng mạnh của quân Mông cổ. Nguyên người Mông cổ thuộc giống rợ Đạt đát, ở về phía tây bắc tỉnh Hắc long giang bên Tàu. Đó là một giống người hung bạo, hiếu chiến, có tài cưỡi ngựa bắn cung và xông pha trận mạc. Truyền đến Thiết mộc Chân thì đã rất cường thịnh, ông ta bèn đại hội các bộ lạc và lên ngôi Đại hãn (như Hoàng đế), lấy hiệu là Thành cát tư hãn (Gengis Khan - 1206). Đến đời các Đại hãn A

hoạt đài, Mông Kha, Hốt tất liệt... thì vó ngựa của quân Mông cổ đã tung hoành khắp nơi trên hoàn vũ. Họ đã diệt nước Kim, bình nước Tống, đoạt Tây bá lợi á, vào Nga la tư, tiến thẳng đến bờ sông Danube; một đạo quân khác từ Ba lan tiến đánh thành Venise của Ý, khiến các nước Âu châu rung động, gọi quân Mông cổ là

hoàng họa (cái họa da vàng), hoặc cây gậy củ Thượng đế. Cũng may là vì trong nước có biển, quân Mông cổ phải rút về nên các nước Âu châu mới thoát nạn. Nhưng cũng chính đạo quân hùng mạnh đó, ba lần sang chinh phục nước ta thì đều bị đánh tan không còn manh giáp. Lần thứ nhất (1257), tướng Mông cổ là Ngột - lương - hợp - thai, từ Vân nam theo đường sông Thao giang xuống đến tận Thăng long, vua tôi nhà Trần phải tạm thời triệt thoái để rồi sau đó phản công ở Đông bộ đầu, khiến quân Mông cổ phải chạy thất điên bát đảo. Lần thứ hai (1284), tướng Mông cổ là Thái tử Thoát Hoan thống lĩnh 50 vạn quân, dùng kế “dĩ đồ diệt Quốc” (mượn đường nước Ngu mà đi đánh nước Quốc), giả tiếng mượn đường nước ta đi đánh Chiêm thành, nhưng kỳ thực là để thôn tính nước ta. Bị triều đình ta cự tuyệt, quân Mông cổ bèn tràn sang, thế như vũ bão. Quân ta phải tạm thời rút lui rồi sau đó đánh tan quân địch ở các trận Hàm tử, Chương dương, Tây kết v.v.. khiến Thoát Hoan phải chui vào ống đồng cho quân sĩ kéo chạy về Tàu. Lần thứ ba (1287). cũng lại chính Thoát Hoan quyết tâm sang đánh báo thù, mượn tiếng đưa Trần ích Tắc về làm An nam quốc vương, nhưng cũng như hai lần trước, lần này quân Mông cổ cũng bị quân dân ta đánh bại ở sông Bạch đằng, các tướng Ô mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ, Cơ Ngọc v.v.. bị bắt, Thoát Hoan phải nhờ bọn Trịnh bằng Phi, Áo lỗ Xích ...hộ vệ mới chạy thoát được về bên kia biên giới.



Khi đã quét sạch quân Nguyên ra ngoài bờ cõi, vua tôi nhà Trần bèn đem bọn tướng giặc bị bắt vào làm lễ hiến phù ở Chiêu lăng. Nhân thấy các ngựa đá ở trước lăng, con nào chân căng cũng lấm đầy bùn đất, vua Trần Nhân tôn cho rằng nhờ khí thiêng sông núi nên đến ngựa đá cũng ra trận và góp phần đánh thắng quân thù, do đó Ngài xúc cảm làm hai câu thơ chữ Hán:

*Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã
Sơn hà thiên cổ điện kim âu*

*(Ngựa đá hai phen phò xã tắc
Âu vàng muôn thuở giữ sơn hà)*

(Ghi chú : Quân Mông cổ ba lần sang xâm chiếm nước ta, nhưng lần đầu có tính cách thăm dò. Hai lần sau mới thực sự ác liệt nên vua Trần Nhân tôn mới nói là “Ngựa đá hai phen phò xã tắc...”).

Chuyện ông già ở cửa ải mất ngựa (tái ông thất mã)

Theo sách Hoài nam tử của Lưu An đời Hán (trong Hán văn tinh túy của Lãng Nhân) thì có một ông già ở cửa ải, một hôm bị mất một con ngựa quý. Mọi người chung quanh đến hỏi thăm và chia buồn cùng ông, nhưng ông nói:

- Biết đâu đó chẳng phải là cái may cho tôi? (Thử hà cự bất vi phúc hồ?).

Được vài tháng, con ngựa đó trở về, lại dắt thêm về một con ngựa Hồ rất tốt. Mọi người đến chúc mừng, nhưng ông lão lại nói:

- Biết đâu đó chẳng phải là cái rủi của tôi? (Thử hà cự bất năng vi họa hồ?).

Sau đó không lâu, người con trai ông lão cưỡi con ngựa mới, bị nó lồng lên, hất cậu ta té xuống đất, gãy cả hai chân. Mọi người chung quanh đều đến chia buồn, nhưng ông lão lại nói:

- Biết đâu đó chẳng phải là cái may cho gia đình tôi? (Thử hà cự bất vi phúc hồ?)

Một năm sau, có giặc Hồ tràn vào cửa ải, hầu hết trai tráng trong vùng đều chết vì giặc già, riêng người con ông lão vì có gãy chân nên còn sống sót, cha con đều được an toàn. Rồi Lưu An kết luận:

- Xem thế thì trong cái rủi có cái may, trong cái may có cái rủi, sự biến hoá không biết đâu là cùng và lẽ sâu xa không thể lường trước được rõ (cổ phúc chi vi họa, họa chi vi phúc, hóa bất khả cực, thâm bất khả trắc dã).

Còn nhớ cách đây mấy năm, sau khi đến Mỹ, kẻ viết bài này có đi học một lớp Anh ngữ buổi tối dành cho người lớn tuổi, gặp cô giáo cho học một bài có nhan đề “We never know what will happen in life” (Chúng ta không bao giờ biết được điều gì sẽ xảy ra trong đời), nội dung y hệt như bài Tái ông thất mã trên đây, khiến tôi nghĩ rằng có lẽ người Anh (hay người Mỹ) dịch bài đó ra cho người bản xứ đọc để hiểu rõ cái lẽ họa phúc trên đời vậy.

Ngựa ký kéo xe muối (ký phục diêm xa)

Trong các loài ngựa, có ngựa kỳ và ngựa ký được gọi là thiên lý mã, vì mỗi ngày chúng có thể chạy được hàng nghìn dặm. Có một người họ Tôn tên Dương, tự là Bá Nhạc, sống dưới đời Tần Mục công, rất có tài xem tướng ngựa. Một hôm ông đi qua vùng Ngu bản, gặp một con ngựa ký già bị người ta bắt kéo một xe

muối lên núi Thái hàng. Móng nó duỗi ra, đầu gối nó khuyu lại, mồ hôi rỏ xuống đầm đìa. Giữa dốc nó thụt lùi, ráng đội cang xe lên nhưng không lên được nữa. Bá Nhạc trông thấy, xuống xe, ôm đầu nó mà khóc, cời áo mà phủ cho nó. Nó cúi đầu xuống mà phì hơi, ngưỡng cổ lên mà hí, tiếng hí động tới trời như tiếng kim tiếng thạch. Vì sao nó phản ứng như vậy? Vì nó biết Bá Nhạc là người thông cảm cho tình cảnh của nó.

Đời nhà Đường, văn hào Hàn Dũ có bài Thiên lý mã, đại ý như sau: Đời có Bá Nhạc rồi sau mới có thiên lý mã. Thiên lý mã thường có mà Bá Nhạc chẳng thường có. (Vì không có Bá Nhạc) cho nên dù là danh mã thì cũng chỉ bị nhục nơi tay kẻ tồi tệ, chết nơi xó chuồng máng cỏ mà thôi, chẳng bao giờ được nổi danh thiên lý. Ngựa mà đi được hàng nghìn dặm, mỗi lần ăn thường hết một thạch thóc. Người nuôi nó không biết cái hay thiên lý của nó nên không cho nó ăn đầy đủ, do đó tài nghệ giỏi dẫn không xuất hiện ra được, dầu muốn cùng ngựa thường so sánh còn chẳng được thay, làm sao cầu cái hay nghìn dặm của nó? Quát nó chẳng đúng phép, nuôi nó chẳng hợp với tài của nó, bắt nó hí mà không hiểu được ý của nó rồi than phiền rằng: “Thiên hạ không có ngựa” (Thiên hạ vô mã dã). Than ôi! Kỳ thật không có ngựa ư? Kỳ thật là không biết ngựa vậy!(Ô hô! Kỳ chân vô mã da? Kỳ chân bất tri mã dã!). Đời sau có thành ngữ “Ký phục diêm xa” (Ngựa Ký kéo xe muối), ám chỉ những người có tài năng mà không được ai biết tới hoặc không được dùng đúng chỗ.

Chỉ Hươu Nói Ngựa

Theo sách Sử ký của Tư mã Thiên (bản dịch của Nguyễn Hiến Lê) thì sau khi Tần Thủy hoàng chết rồi, Thừa tướng Lý Tư và hoạn quan Triệu Cao giả chiếu buộc Thái tử Phù Tô phải tự sát rồi lập con thứ là Hồ Hợi lên thay, lấy hiệu là Tần Nhị thế. Sau đó Triệu Cao tìm cách hãm hại Lý Tư để được lên làm Thừa tướng. Lúc này thế lực nhà Tần đã vô cùng suy yếu, bên ngoài thì lực lượng chư hầu đã làm chủ tình hình mà trong triều thì Triệu Cao chuyên hoạn, không coi Tần Nhị thế ra gì. Y đã nuôi dưỡng tâm làm phản, nhưng còn e ngại sự chống đối của quần thần nên tìm cách thăm dò thái độ của họ. Một hôm y hội họp các quan rồi dâng cho Nhị thế một con hươu, nhưng bảo đó là con ngựa. Nhị thế cười nói: “Thừa tướng làm đấy chứ! Sao lại gọi con hươu là con ngựa?” Rồi Nhị thế hỏi các quan, nhiều người im lặng, nhưng cũng có người nói là ngựa để vừa lòng Triệu Cao, trong khi một số ít nói đó là con hươu. Triệu Cao bèn chú ý những người nói hươu để rồi tìm cách hãm hại. Từ đó ai nấy đều sợ Cao, đến nỗi y giết Tần Nhị thế và lập Tử Anh lên thay, tức là Tần Tam thế. Nhưng rồi y lại bị Tử Anh đâm chết ở trại cung trước khi ông này ra đầu hàng Lưu Bang và Hạng Võ. Cơ nghiệp nhà Tần đến đây là hoàn toàn chấm dứt.



Khi vua Thủy Hoàng nhà Tần thống nhất Trung quốc, lên ngôi hoàng đế, đã tin tưởng rằng ông sẽ truyền ngôi cho đến vạn đời nên lấy hiệu là Thủy hoàng (vị hoàng đế đầu tiên), đời con sẽ là Nhị thế, đời cháu là Tam thế và mãi mãi cho đến Vạn Vạn thế. Nhưng không ngờ chỉ trong vòng 15 năm thì sự nghiệp tan thành mây khói. Sở dĩ như vậy là vì ông ta đã thi hành một chính sách cai trị độc tài tàn bạo, đốt hết sách vở của thánh hiền, chôn sống hàng ngàn nho sĩ và áp dụng nhiều hình thức đàn áp nhân dân trong nước. Đời nhà Hán, Giả Nghị có làm bài Quá Tần luận, phê bình chính sách nhà Tần một cách nghiêm khắc và xác đáng. Đến đời nhà Đường, thi hào Đỗ Mục có bài phú về cung A phòng rất nổi tiếng (cung này do Tần Thủy hoàng xây dựng nên), trong đó có đoạn kết đáng làm bài học cho đời sau: “Ô hô! Diệt lục quốc giả, lục quốc dã, phi Tần dã. Tộc Tần giả, Tần dã, phi thiên hạ dã. Ta hỡi! sử lục quốc các ái kỳ

nhân tắc tức dĩ cự Tần; Tần phục ái lục quốc chi nhân tắc khả chí vạn thế nhi vi quân, thủy đắc nhi tộc Tần dã. Tần nhân bất hạ tự ái nhi hậu nhân ái chi; hậu nhân ái chi nhi bất giám chi, diệc sử hậu nhân nhi phục ái hậu nhân dã” (Than ôi! kẻ diệt sáu nước chính là sáu nước chứ không phải nhà Tần. Kẻ diệt cả họ nhà Tần chính là nhà Tần chứ không phải là thiên hạ. Ôi! nếu người sáu nước biết đoàn kết thương yêu nhau thì đủ sức chống cự nhà Tần (ý nói vì người sáu nước chia rẽ nhau nên bị nhà Tần tiêu diệt). Nếu nhà Tần biết yêu thương dân sáu nước thì có thể truyền ngôi đến vạn đời chứ ai diệt nhà Tần cho nổi? Người Tần không rãnh để tự thương cho mình mà để đời sau thương giùm cho họ. Người sau thương giùm cho họ mà không biết lấy đó làm gương thì lại khiến đời sau nữa thương cho đời sau đó vậy). Than ôi! Nếu các nhà làm chính trị đời nay mà rút được bài học đó thì có thể khỏi bị thân bại danh liệt, nhân dân nguyên rữa và để tiếng xấu cho đời sau.

“Bò Không Thế Đẻ Ra Ngựa”

Vua Hoàn công nước Tề, một hôm đi săn, đuổi một con hươu chạy vào trong cái hang có một ông già đang ở. Vua hỏi hang này tên là hang gì, ông lão nói:

- Tên là hang Ngu công.
- Vì sao mà đặt tên như thế?
- Tại kẻ hạ thần này mới có cái tên ấy.
- Coi hình dáng lão cũng không phải là người ngu, tại sao đặt tên cái hang như thế?
- Để hạ thần xin nói: “Nguyên hạ thần có nuôi một con bò cái, để được một bò con. Khi bò con đã lớn, hạ thần đem đi bán, lấy tiền mua một con ngựa đem về nuôi chung với bò cái trong cùng một chuồng. Một hôm có một chàng thanh niên đến, lấy lý rằng bò không thể đẻ ra được ngựa nên bắt ngang con ngựa đem đi. Thần cô thế không cãi lại được, đành phải chịu mất con ngựa, do đó mọi người đều cho thần là ngu và đặt tên cái hang này là hang Ngu công.”

Hôm sau, trong buổi chiều, Hoàn công đem câu chuyện nói trên kể lại với quan Tướng quốc là Quản Trọng, tức Quản di Ngô. Ông này nói: “Đó chính là cái ngu của Di Ngô này chứ không phải của ông Ngu công nào cả. Thần làm Tướng quốc mà không giúp được gì cho Chúa công trong việc sửa sang phép nước, đến nỗi có người dám ngỗ ngược lấy không ngựa của người ta như vậy thì rõ ràng hình pháp ngày nay không ra gì. Vậy xin nhà vua kịp chỉnh đốn kỷ cương để cho người dân thấp cổ bé miệng như ông Ngu công này khỏi bị người ta ức hiếp...”

Nhà học giả Nguyễn văn Ngọc, trong sách Cổ học tinh hoa, khi đề cập đến chuyện này đã bình luận như sau: “Ông lão cam tâm mất ngựa, lại chịu mang cái tiếng là “ngu” vì trong ý lão nghĩ rằng gặp thời buổi người trên tham nhũng, kẻ dưới hung bạo, thà để êm chuyện đi còn hơn dờ dẫm đi kiện, chẳng những mất ngựa mà có khi mất cả bò và bao nhiêu tiền bạc, thì giờ vào đây nữa. Quản Trọng nghe chuyện mà biết nhận ngay cái lỗi của mình, thế là có tinh thần trách nhiệm, không đổ lỗi cho người khác...”.

Nhìn lại thế giới ngày nay, có nhiều nơi còn tồn tại rất nhiều tệ nạn bất công, tham nhũng, cướp giật, băng đảng, mạnh được yếu thua, khôn sống mống chết, khủng khiếp gấp trăm ngàn lần so với chuyện cướp ngựa nói trên, nhưng ít có ai đủ can đảm nhận trách nhiệm về mình mà chỉ đổ cho hoàn cảnh, môi trường, hoặc cấp trên đổ cho cấp dưới, ngành nọ đổ cho ngành kia, nhiều lúc những người có lỗi lại được thăng quan tiến chức, so với Quản Trọng ngày xưa thật khác nhau một trời một vực.

Bộ Xương Ngựa Giá 500 Nén Vàng

Đời Chiến quốc, vua Chiêu vương nước Yên muốn báo thù nước Tề, vì các đời vua trước từng bị nước Tề đánh bại. Một hôm nhà vua nói với quan Tướng quốc là Quách Ngỗi rằng:

- Mỗi nhục của tiên vương, ngày đêm ta vẫn hằng ghi nhớ. Nếu bây giờ có được người hiền trợ giúp cùng mưu việc đánh Tề thì ta sẽ hết lòng trọng dụng. Vậy tiên sinh hãy vì ta mà tìm xem ai là người hiền để ta mời về cộng tác.

Quách Ngỗi nói:

- Ngày xưa có một vị vua sai một viên quan đem nghìn nén vàng đi tìm mua một con thiên lý mã, giữa đường gặp một con ngựa chết mà có một số đông người xúm lại tỏ lòng thương tiếc. Viên quan bèn dừng xe, hỏi thăm duyên cớ thì người ta trả lời rằng đó là một con thiên lý mã, mỗi ngày có thể đi được hàng nghìn dặm, nay tự nhiên nó chết nên mọi người đều thương tiếc. Viên quan nghe nói bèn bỏ ra 500 nén vàng, mua lấy bộ xương gói lại đem về. Vua tức giận bảo rằng đó là bộ xương ngựa chết, còn dùng được việc gì mà bỏ nhiều tiền ra mua như vậy? Viên quan nói: “Thần sở dĩ mua bộ xương đó là vì muốn chứng minh rằng ngựa chết mà còn được Chúa công quý trọng đến mức đó, huống gì ngựa sống? Thần tin chắc rằng nay mai sẽ có nhiều người đem ngựa quý đến bán cho Chúa công...” Quả nhiên chỉ một thời gian sau vị vua nọ đã mua được ba con thiên lý mã. Nay Chúa công muốn cầu hiền sĩ trong thiên hạ thì trước hết hãy dùng Ngỗi tôi, coi như một bộ xương ngựa chết. Mọi người thấy một kẻ bất tài như Ngỗi



tôi mà còn được trọng dụng thì những kẻ có tài hơn tôi gấp bội, sẽ tìm đến mà phục vụ cho Chúa công, như vậy Chúa công sẽ không còn lo thiếu hiền sĩ nữa.

Vua Chiêu vương nghe lời, bèn trọng dụng Quách Ngỗi hơn trước, xây lâu đài tráng lệ cho ở, cung phụng như bậc thầy. Từ đó tiếng tăm trọng hiền của nhà vua đồn đãi khắp nơi, khiến Trâu Diễn ở Tề sang, Tô Đại ở Chu lại, Kịch Tân ở Triệu đến v.v., tất cả đều được vua Chiêu vương trọng dụng và nhờ thế, nước Yên đã có một thời cường thịnh.

Qua câu chuyện trên đây, ta thấy Quách Ngỗi đã tìm được một ví dụ rất hay để tự tiến mình, và vua Chiêu vương cũng biết nghe lời nói phải để làm cho nước nhà giàu mạnh.

Một Con Ngựa Bị Chết Oan

Đời vua Cảnh công nước Tề, đất nước bị ngoại xâm đe dọa mà trong triều thì không còn tướng giỏi, nhà vua lấy làm lo lắng, bèn hỏi quan Tướng quốc là Án Anh thì ông này tiến cử một người tên là Điền nhương Thư, rất có tài thao lược nhưng còn ẩn thân nơi thôn dã. Nhà vua liền triệu đến, nghe họ Điền giảng giải về binh pháp, rất lấy làm vừa ý bèn phong ngay cho làm chức Đại Nguyên soái, cầm quân ra biên thùy chống giặc. Điền nhương Thư tâu:

- Hạ thần xuất thân trong đám bình dân, chưa có tên tuổi gì, nay Chúa công cho giữ binh quyền e lòng người không phục. Vậy xin Chúa công cử cho một vị đại thần có danh vọng làm chức Giám quân thì hiệu lệnh của hạ thần mới thi hành được.

Tề Cảnh công y tấu, bèn sai quan Đại phu là Trang Giả đi làm Giám quân. Khi bãi triều, Trang Giả hỏi Điền nhương Thư bao giờ thì xuất quân? Điền nhương Thư hẹn đúng Ngọ ngày mai thì tề tựu tại giáo trường để điểm duyệt quân mã rồi sẽ lên đường. Ngày hôm sau, Điền nhương Thư đến giáo trường, cho dựng một cây nêu để đo bóng mặt trời (vì ngày xưa chưa có đồng hồ) rồi ngồi chờ Trang Giả. Trong khi đó thì Trang Giả cậy mình là cận thần của nhà vua, coi thường Điền nhương Thư nên ở nhà dự tiệc tiễn hành do bạn bè khoản đãi, đến chiều mới ngất ngưỡng tới nơi. Điền nhương Thư nghiêm sắc mặt hỏi:

- Ngài đã hẹn với tôi đúng Ngọ hôm nay đến giáo trường để điểm duyệt quân mã, sao bây giờ mới đến?
- Vì biết tôi sắp đi xa nên có một số bạn đồng liêu bày tiệc khoản đãi, tôi uống hơi quá chén nên đến trễ, xin Nguyên soái miễn chấp. Điền nhương Thư nổi giận nói:
- Phàm đạo làm tướng, trong ngày chịu mệnh vua thì phải quên nhà mình; khi đã tuyên bá hiệu lệnh cho quân sĩ thì phải quên cha mẹ mình; khi cầm dùi trống xông pha tên đạn thì phải quên cả thân mình. Nay nước nhà đang có giặc, Chúa công ăn ngủ không yên, đem việc lớn phó thác cho chúng ta, như vậy còn lòng dạ nào mà ăn uống say sưa nữa? Nói xong, quay qua hỏi quan chấp pháp:
- Theo quân pháp, khi có lệnh tập hợp quân sĩ mà đi đến trễ thì xử như thế nào?
- Bấm, xử chém.

Điền nhương Thư liền thét quân sĩ bắt Trang Giả trói lại và điệu ra ngoài viên môn xử trảm. Người hầu của Trang Giả thấy vậy bèn chạy tuốt về triều phi báo. Vua Tề Cảnh công nghe báo giật mình, vội rút một cây lệnh tiễn trao cho quan Đại phu là Lương Khâu Cự, bảo phải đi gấp ra giáo trường truyền lệnh cho quan Nguyên soái tha tội chết cho Trang Giả. Khâu Cự cậy mình là sủng thần của nhà vua, tới viên môn không thèm xuống ngựa, cứ sòng sọc chạy vào. Điền nhương Thư truyền quân ngăn lại rồi hỏi quan chấp pháp:

- Vào viên môn mà không xuống ngựa thì xử thế nào?
- Bấm, xử chém.

Lương Khâu Cự nghe nói hồn phi phách tán, vội đưa lệnh tiễn của vua ra và nói rằng vì có mệnh vua sai đi gấp nên quên xuống ngựa, mong quan Nguyên soái tha thứ. Nhưng Thư thấy có lệnh vua nên tha tội chết cho sứ giả, nhưng truyền quân chém đầu con ngựa để nghiêm quân pháp. Thế là con ngựa bị chết oan vì sự hống hách, kiêu căng của những người có quyền cao chức trọng. Đầu đời nhà Hán cũng có một trường hợp tương tự, khi Hàn Tín được thăng làm tướng, Lịch Sanh vào viên môn không xuống ngựa nên cũng bị xử phạt như trên. Nhìn lại thế giới ngày nay, trừ những nước có chế độ dân chủ pháp trị vững chắc mà đến một ông Tổng thống có tật hảo ngọt cũng bị đưa ra luận tội, còn những chế độ độc tài toàn trị thì đều có cái dù che cái cán, những người làm lớn dù phạm tội tày trời cũng bình chân như vại.

Con Ngựa Thành Troy (Trojan Horse)

Theo thần thoại Hy Lạp thì vào đời thượng cổ, ở về mạn bắc Tiểu-á-tế-á có thành Troy là một đô thị giàu có, dân cư đông đúc, từng được thi hào Homère ca ngợi trong tập anh hùng ca Iliade. Người Hy Lạp muốn chiếm cho bằng được thành Troy, nên đã phát động một cuộc chiến tranh kéo dài trong 10 năm nhưng vẫn không chiếm được. Cuối cùng, tướng Odysseus của Hy Lạp bèn nghĩ ra một kế là chế ra một con ngựa bằng gỗ thực to lớn, cho quân sĩ nấp vào trong ruột rỗng của con ngựa rồi đẩy tới trước cổng thành. Sau đó quân Hy Lạp kéo trở về, làm ra vẻ như muốn bỏ tham vọng chiếm thành từng theo đuổi lâu nay. Từ trong thành, quân Troy trông thấy vội mở cửa kéo ra, đoạt lấy con ngựa kéo vào thành. Đến tối, quân Hy Lạp từ trong bụng ngựa tuông ra, cùng với quân mai phục ở ngoài tràn vào đánh phá và chiếm được ngôi thành. Từ đó điển tích con ngựa thành Troy được dùng để chỉ những âm mưu quỷ quyệt



nhưng được che đậy bằng những hình thức tốt đẹp bên ngoài.

Ngựa Trong Thành, Điển Tích.

Ngựa Hồ chim Việt: Ngày xưa, ở mạn nam nước Tàu có nước Việt (không phải nước Việt nam ta ngày nay), sinh sản một loài chim mà dù bay đến xứ nào cũng chỉ chọn cành cây phía Nam mà làm tổ (vì nước Việt ở về phương nam). Trong khi đó, về phía bắc sông Hoàng hà có nước Hồ, sinh sản một loài ngựa mà mỗi khi nghe gió thổi từ phương Bắc thì cất tiếng hí vang (vì nước Hồ ở về phương bắc), từ đó phát sinh thành ngữ Việt điều sào nam chi, Hồ mã tê bắc phong. Thành ngữ này dùng để chỉ tấm lòng tưởng nhớ quê hương xứ sở, như cụ Phan bội Châu có biệt hiệu là Sào Nam, hoặc có người lấy hiệu là Nam Chi v.v., đều nằm trong ý nghĩa đó.

Da ngựa bọc thây: Do câu của Mã Viện nói với vua Quang Vũ nhà Hậu Hán: “Đại trượng phu nên chết ở chiến trường, lấy da ngựa bọc thây chứ lẽ đâu lại chết trên tay đàn bà..”. Câu này nói về chí khí làm trai là nên xông pha nơi trận mạc chứ chẳng nên ru rú ở xó nhà. Trong bản Chinh phụ ngâm bằng chữ Hán, ông Đặng Trần Côn có dẫn điển tích này trong mấy câu:

*Trượng phu thiên lý chí mã cách
Thái sơn nhất trịch khinh hồng mao
Bà Đoàn thị Điểm điển nôm:
Chí làm trai dặm nghìn da ngựa,
Gieo Thái sơn nhẹ tựa hồng mao...*

Bám đuôi ngựa ký: Có những con vật tự nó không đi xa được, nhưng nếu nó bám được vào đuôi con ngựa ký thì cũng có thể đi được hàng nghìn dặm (ngựa ký đi tới đâu thì nó cũng đi được tới đó). Câu này nói về một người nào đó nhờ sự giới thiệu, tiến cử của một nhân vật có danh vọng, uy tín nên được mọi người biết đến và làm nên sự nghiệp, bằng không thì cũng bị mai một mà thôi. Điển này rút từ việc thầy Nhan Hồi nhờ theo học đức Khổng tử và được Ngài khen là người hiền nên trở thành nổi tiếng. Đời sau có câu phụ ký vĩ nhi hành ích hiển (Bám đuôi ngựa ký mà công hành càng tỏ rõ). Ngoài ra, chữ phụ ký còn có nghĩa là kết bạn với người giỏi

Thẳng ruột ngựa: Trong cơ thể con ngựa, đoạn ruột nối liền với dạ dày hơi thẳng, ít quanh co như những con vật khác, do đó có thành ngữ này để chỉ những người bộc trực, có sao nói vậy, ít cong queo lắt léo, nói chung là người tốt, không có ác tâm.

Ngựa quen đường cũ: Ám chỉ những người có khuyết điểm gì đó mà không chịu sửa chữa, vẫn cứ như tật nấy như con ngựa cứ theo đường cũ mà đi, không chịu theo đường khác.

Ngựa non háu đá: Chỉ những người còn trẻ tuổi mà tự cao tự đại, háu thắng, ưa chống đối người này người khác như những con ngựa còn non, gặp đâu đá đó.

Một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ: Câu này mượn chuyện ngựa để nói về tình thân tương ái giữa con người với nhau. Khi một con ngựa bị đau, những con khác trong chuồng (tàu) đều nhịn ăn để chia sẻ sự đau buồn của nó, tương tự như câu thỏ tử hồ bi (thỏ chết cáo thương). Loài vật còn được thế, huống gì con người? Do đó thật không thể hiểu được vụ khủng bố ngày 11.9.2001.

Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã: Có nghĩa là trâu tìm trâu, ngựa tìm ngựa, ám chỉ người tốt thường giao du với người tốt, người xấu giao du với người xấu, tương tự như câu Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu..

Trong tiếng Pháp có những thành ngữ:

Brider son cheval par la queue: Buộc cương ngựa ở đuôi, chỉ một việc làm trái khoáy.

Changer son cheval borgne contre un aveugle: Đổi ngựa chột lấy ngựa mù, đổi cái xấu lấy cái xấu hơn.

Cheval dans la main: Ngựa dễ bảo, ngựa thuần.

Travailler comme un cheval: Làm việc hừng hực, làm việc như trâu ngựa.

Trong tiếng Anh, từ điển có ghi một số thành ngữ như sau:

To change horses while crossing the stream: Thay ngựa giữa dòng.

To put the cart before the horse: Đặt cái xe trước con ngựa, ví như ta nói đặt cái cày trước con trâu.

To flog a dead horse: Quất vào con ngựa chết, chỉ một việc làm phí công vô ích.

To back the wrong horse: Đánh cá con ngựa thua, tức ủng hộ phe thua v.v...

oOo

Trên đây là vài câu chuyện tản mạn về con ngựa. Kể ra thì còn nhiều chuyện nữa như phép bảo mã của Vương an Thạch, thuật đua ngựa của Tôn Tấn và Điền Kỵ, trâu gỗ ngựa máy (mộc ngưu lưu mã) của Khổng Minh, ngựa Ô chuy của Hạng Võ, ngựa Địch lư của Lưu Bị, ngựa Xích thố của Quan Công v,v,,,nhưng vì bài viết hơi dài nên người viết xin tạm ngừng nơi đây và nhân dịp đầu năm con ngựa, xin kính chúc quý đồng hương một năm mới mã đáo thành công, kỳ khai đắc thắng.

Trần Hữu Vinh